



Hà nội, ngày 10 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Kính thưa các Quý cổ đông/Đại diện cổ đông, các Quý vị đại biểu và các vị khách quý,

Thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Luật doanh nghiệp; Điều lệ của Tổng Công ty cổ phần bảo hiểm Petrolimex, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm toán nội bộ và các quy định hiện hành, Ban Kiểm toán nội bộ báo cáo Đại hội đồng cổ đông những nội dung chính như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ TRONG NĂM 2019

Từ năm 2017 PJICO thực hiện chuyển đổi mô hình quản lý theo điểm b Điều 134 của Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13. HĐQT Tổng Công ty đã ban hành “ Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban KTNB” vào tháng 10 năm 2017 nhằm đảm bảo toàn bộ chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát vẫn tiếp tục được thực hiện tại Quy chế này theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ và quy định của Tổng Công ty.

Ban kiểm toán nội bộ có 6 người trong đó gồm 01 Phụ trách Ban và 05 cán bộ đã thực hiện những công việc như sau:

- Xây dựng kế hoạch/chương trình kiểm tra, kiểm soát theo phê duyệt của HĐQT. Triển khai thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ theo quy định của Pháp luật, Điều lệ, Quy chế và Quy định của Tổng Công ty.
- Trực tiếp và phối hợp với các bộ phận chức năng của Tổng Công ty, kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ, các nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết HĐQT và các quy định quản lý nội bộ của Tổng Công ty; Kiểm tra, kiểm soát, ngăn ngừa, giám sát phát hiện sai sót, hạn chế trong các hoạt động của Tổng Công ty.
- Thẩm định báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính và các báo cáo định kỳ khác. Phân tích đánh giá tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động, khả năng bảo toàn, phát triển vốn và những rủi ro trọng yếu.
- Đề xuất các biện pháp khắc phục những sai sót trong kiểm toán. Kiến nghị xử lý những vi phạm; giám sát, đánh giá và theo dõi hoạt động khắc phục những tồn tại đã phát hiện.
- Tham dự các phiên họp HĐQT, Ban điều hành có liên quan đến công tác kiểm toán nội bộ để tham gia góp ý kiến về định hướng điều hành kinh doanh, quản lý tài chính và hoàn thiện các Quy chế quản lý.
- Thường xuyên trao đổi, phối hợp với Ban Tổng giám đốc và các Phòng/Ban liên quan trong việc theo dõi, tổ chức kiểm soát hoạt động của Tổng Công ty và kịp thời thông báo với Ban Tổng Giám đốc những rủi ro làm ảnh hưởng đến lợi ích của cổ đông và kiến nghị những giải pháp xử lý.
- Định kỳ thực hiện và gửi báo cáo theo quy định tại Quy chế của Ban kiểm toán nội bộ tới Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành với kiến nghị cụ thể. Các kiến nghị của Ban kiểm toán nội bộ đã được Chủ tịch HĐQT và Ban điều hành xem xét, nghiên cứu, thực hiện.

- Thực hiện và gửi các báo cáo kiểm soát định kỳ đúng quy định theo yêu cầu của cổ đông lớn.
- Trình Đại hội đồng cổ đông và HĐQT lựa chọn Công ty TNHH Deloitte thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính 2019 của Tổng Công ty.
- Các thành viên của Ban kiểm toán nội bộ thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và không cản trở tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

II. KẾT QUẢ CÔNG TÁC GIÁM SÁT

1. Thẩm định báo cáo tài chính:

- Việc ghi chép, lưu trữ chứng từ, hệ thống thông tin kế toán và lập sổ sách kế toán được thực hiện theo quy định hiện hành. Các chỉ tiêu của báo cáo tài chính tại thời điểm ngày 31/12/2019 phù hợp với Quy định hiện hành.
- Xét trên khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2019.
- Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản trong báo cáo tài chính:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2019	Năm 2018 (Điều chỉnh lại)
I	Tổng tài sản	Tr.đồng	5.842.839	5.366.208
1	Tài sản ngắn hạn	Tr.đồng	4.995.641	4.523.502
2	Tài sản dài hạn	Tr.đồng	847.197	842.706
3	Lợi thế thương mại	Tr.đồng		
II	Tổng nguồn vốn	Tr.đồng	5.842.839	5.366.208
1	Nợ phải trả	Tr.đồng	4.305.155	3.873.342
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	Tr.đồng	1.537.683	1.492.866
3	Lợi ích cổ đông thiểu số	Tr.đồng		
III	Khả năng thanh toán			
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,17	1,18
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,67	0,70
IV	Cơ cấu nguồn vốn			
1	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	73,68	72,18
2	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	26,32	27,82
V	Khả năng sinh lời			
1	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	162.607	144.695
2	ROE (Tỷ suất LNST/Vốn CSH)	%	10,57	9,69
3	ROA (Tỷ suất LNST/Tổng tài sản)	%	2,78	2,70
VI	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	1.702	1.503

Tình hình thực hiện kế hoạch năm:

- Tổng doanh thu 3.665.324 triệu đồng đạt 103,9% kế hoạch năm, tăng trưởng 9,9% cùng kỳ, trong đó: Doanh thu phí bảo hiểm gốc nếu không tính tàu cá theo NĐ 67 là 3.048.626 triệu đồng đạt 102,8% kế hoạch năm 2019, tăng trưởng 10% so với cùng kỳ năm 2018.
- Tổng lợi nhuận trước thuế là 200.679 triệu đồng, đạt 109,1% kế hoạch lợi nhuận năm 2019 và tăng trưởng 12% so với năm 2018
- Lợi nhuận sau thuế đạt 162.607 triệu đồng tăng trưởng 12,4% tương đương 17.912 triệu đồng so với cùng kỳ.
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế năm 2019 trên vốn chủ sở hữu là 10,57%.
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu là 1.702 đồng/CP (năm 2018 là 1.503 đ/CP).
- Hệ số thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh ở mức an toàn trong giới hạn cho phép.

- Đảm bảo tỷ lệ cổ tức trả cho các cổ đông năm 2019 là 13%, Tổng Công ty đã tạm ứng, chi trả vào 06/03/2020.
- Giá cổ phiếu đóng cửa ngày 30/12/2019 là 19.500đ/CP (giá đóng cửa 28/12/2018 là 18.100đ/CP)
- Các quỹ dự phòng được trích lập đầy đủ, tổng 03 quỹ dự phòng nghiệp vụ trích lập trong năm 2019 là: 140,8 tỷ đồng.

2. Kết quả giám sát đối với Tổng Công ty:

2.1. Tổ chức họp và ban hành Nghị quyết:

- Hội đồng quản trị đã tổ chức hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ, Luật doanh nghiệp. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được duy trì đều đặn theo đúng quy định. Năm 2019, Hội đồng quản trị đã bám sát định hướng của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và tình hình thực tế của Tổng Công ty để triển khai các Nghị quyết thực hiện.
- HĐQT đã tổ chức họp 05 phiên, ban hành 7 Nghị quyết, 35 quyết định để quyết định các nội dung thuộc chức trách, nhiệm vụ của HĐQT trong công tác chỉ đạo, quản lý, giám sát các hoạt động của Tổng Công ty.

2.2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm:

- Kiên định với mục tiêu tăng trưởng bền vững và hiệu quả, tập trung phát triển và ứng dụng công nghệ số hóa vào các hoạt động kinh doanh bảo hiểm để nâng cao năng suất lao động, chất lượng dịch vụ và năng lực cạnh tranh.
- Hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính tổng hợp theo định hướng của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị năm 2019.
- Duy trì, cải thiện kết quả xếp hạng tín nhiệm quốc tế của A.M.Best, tìm kiếm và khắc phục các điểm tồn tại, hạn chế của hệ thống, thay đổi quản trị, báo cáo theo yêu cầu của A.M.Best
- Thực hiện giải thể Công ty TNHH MTV Sửa chữa cứu hộ PJICO Hải Phòng theo đúng quy định pháp luật.
- Truyền thông hình ảnh, quảng bá thương hiệu và tiếp tục nâng cao giá trị văn hóa Doanh nghiệp của PJICO để chuẩn bị cho Lễ kỷ niệm 25 năm ngày thành lập Tổng Công ty.
- Tổ chức thực hiện thuê đơn vị/chuyên gia tư vấn chiến lược phát triển Công nghệ thông tin của PJICO giai đoạn 2019-2024 tầm nhìn 2030.
- Triển khai các giải pháp để quản trị được các khoản công nợ phát sinh đảm bảo hạn chế tới mức thấp nhất tình trạng phát sinh công nợ xấu.
- Một số hạn chế của Tổng Công ty được Đoàn Kiểm toán nhà nước, Kiểm toán nội bộ chỉ ra cần được khắc phục và có biện pháp xử lý dứt điểm.

Tổng quan: HĐQT đã hoạch định chiến lược phù hợp, chỉ đạo tổ chức kinh doanh có hệ thống, làm tăng giá trị doanh nghiệp và lợi ích cho: cổ đông, người lao động, khách hàng, ngân sách nhà nước.

III KIẾN NGHỊ VÀ KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CỦA BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ NĂM 2020

1. Kiến nghị đối với Tổng Công ty:

- Kiên định với mục tiêu tăng trưởng bền vững và hiệu quả,
- Tận dụng tối đa hỗ trợ của nhà đầu tư chiến lược SFMI trong việc tiếp cận khách hàng, chú trọng khai thác bảo hiểm thông qua hệ thống Ngân hàng mà nhà đầu tư có quan hệ.
- Tập trung theo dõi, bám sát tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh 2020. Rà soát đánh giá quy mô, tốc độ tăng trưởng của từng nhóm nghiệp vụ cả về doanh thu và hiệu quả để từ đó đưa ra giải pháp cụ thể đối với một số nhóm nghiệp vụ:

- + Đánh giá các chương trình thúc đẩy bán hàng trên toàn hệ thống cho các nghiệp vụ Xe cơ giới, Tài sản, Dự án, Hàng Hóa, Tàu Thủy năm 2019 từ đó đưa ra các giải pháp cho năm 2020 đạt hiệu quả tốt hơn.
 - + Nghiệp vụ sức khỏe: Đẩy nhanh việc hoàn thiện hệ thống phần mềm quản lý nhu tích hợp phần mềm Premia vào quy trình khai thác bồi thường. Đồng thời giám sát các đơn vị thực hiện bồi thường bằng phần mềm nghiệp vụ để kiểm soát chi phí bồi thường nâng cao hiệu quả nghiệp vụ.
 - Rà soát ban hành các quy trình ISO về nghiệp vụ để đồng bộ hóa với Premia.
 - Thường xuyên rà soát danh mục đầu tư tài chính, tiền gửi đảm bảo quản lý hiệu quả hệ thống tài sản của Tổng Công ty.
 - Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư. Tập trung phát triển và ứng dụng công nghệ số hóa vào các hoạt động kinh doanh bảo hiểm để đảm bảo nâng cao chất lượng dịch vụ, an toàn và hiệu quả. Đặc biệt là các dự án phần mềm quản lý nghiệp vụ bảo hiểm và các phần mềm ứng dụng vào quy trình khai thác, giám định, bồi thường, phòng chống trục lợi. Thực hiện các biện pháp đồng bộ nhằm hạn chế rủi ro, giảm tỷ lệ bồi thường nghiệp vụ, quản lý chi phí kinh doanh chặt chẽ hiệu quả.
 - Tăng cường công tác quản lý, xử lý công nợ, đối với các khoản nợ xấu, nợ khó đòi, đã phát sinh từ trước cần có giải pháp xử lý và hạn chế việc phát sinh các khoản nợ xấu trong thời gian tới.
 - Tiếp tục kiện toàn cơ cấu tổ chức hiệu quả, nâng cao chất lượng hiệu suất làm việc của cán bộ. Có chính sách phù hợp đảm bảo giữ được cán bộ có kinh nghiệm và tâm huyết.
 - Thực hiện khắc phục các nội dung khuyến nghị của các đoàn kiểm tra, kiểm toán.
- 2. Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm toán nội bộ năm 2020**
- Thường xuyên tham gia cùng HĐQT, Ban điều hành kiểm soát quản lý việc hoàn thiện hệ thống các quy định (Quy chế, Quy định, Quy trình quản lý, định mức chi phí kinh doanh) về quản trị nội bộ Tổng Công ty;
 - Giám sát việc thực hiện quy định của Pháp luật, điều lệ Tổng Công ty, nghị quyết ĐHĐCĐ, nghị quyết HĐQT; Các giải pháp cụ thể để tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 một cách hiệu quả về: cơ chế kinh doanh, quản lý chi phí, công nợ, hóa đơn ấn chỉ, đầu tư, tái bảo hiểm, tổ chức lao động tiền lương, tài chính kế toán, công nghệ thông tin... nhằm tăng khả năng cạnh tranh, nâng cao năng suất lao động, hiệu quả hoạt động, phần đầu hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch tài chính kinh doanh năm 2020 được ĐHĐCĐ giao;
 - Thực hiện kiểm toán theo kế hoạch được HĐQT phê duyệt.
 - Kiểm soát chuyên đề trên cơ sở thực địa tại một số đơn vị và trên cơ sở báo cáo của các Phòng chức năng của Tổng Công ty.
 - Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành cũng như các Phòng, Ban để tăng cường kiểm tra hướng dẫn nghiệp vụ, và giám sát các hoạt động của Tổng Công ty nhằm sớm phát hiện các vi phạm, thiếu sót để chấn chỉnh kịp thời tuân thủ quy định. Thay mặt Ban kiểm toán nội bộ tôi xin kính chúc các Quý cổ đông và Quý vị đại biểu sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

PHỤ TRÁCH BAN KIỂM TOÁN



Trinh Thị Quỳnh Hương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2019

[illegible]

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT PHẦN 2

Từ ngày 01/01/2019 Đến ngày 31/12/2019

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước (điều chỉnh lại)
1. Doanh thu phí bảo hiểm (01 = 01.1 + 01.2 - 01.3)	01	VI.26.1	919,452,997,174	801,770,967,348	3,054,221,713,680	2,795,533,505,680
Trong đó:	01.01		-	-		
- Phí bảo hiểm gốc	01.1		929,485,894,636	800,100,852,961	3,066,198,848,657	2,812,990,050,455
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		52,953,972,331	52,564,650,146	166,491,924,017	133,819,722,838
- Tăng (giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	01.3		62,986,869,793	48,183,756,660	178,469,058,994	151,276,267,613
2. Phí nhượng tái bảo hiểm (02 = 02.1 - 02.2)	02	VI.26.2	263,581,646,295	193,037,506,807	797,487,651,835	656,656,241,158
Trong đó:	02.01		-	-		
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		297,012,671,383	223,774,157,437	885,626,716,287	747,308,921,272
- Tăng (giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2		33,431,025,088	30,736,650,630	88,139,064,452	90,652,680,114
3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03 = 01-02)	03		655,871,350,879	608,733,460,541	2,256,734,061,845	2,138,877,264,522
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04 = 04.1 + 04.2)	04		98,157,187,259	76,592,606,606	349,648,875,456	276,744,486,868
Trong đó:	04.01		-	-		
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1	VI.27.1	59,926,545,726	42,845,269,002	198,159,079,054	156,612,901,823
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2	VI.27.2	38,230,641,533	33,747,337,604	151,489,796,402	120,131,585,045
5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10= 03+04)	10		754,028,538,138	685,326,067,147	2,606,382,937,301	2,415,621,751,390
6. Chi bồi thường (11 = 11.1 - 11.2)	11		405,941,790,743	443,372,455,687	1,385,017,759,484	1,392,332,455,990
Trong đó:	11.01		-	-		
-Tổng chi bồi thường	11.1		406,032,441,010	444,168,155,142	1,385,707,488,031	1,394,660,517,105
-Các khoản giảm trừ (Thu đòi người thứ 3 bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường 100%)	11.2		90,650,267	795,699,455	689,728,547	2,328,061,115
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12		107,340,731,317	150,925,126,559	309,366,456,903	278,744,950,898
8. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	13		(77,394,026,510)	(122,959,595,846)	184,670,896,259	(14,385,601,401)
9. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14		(59,075,998,016)	(95,730,442,948)	157,649,866,985	17,648,133,864
10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15 = 11 - 12 + 13 - 14)	15	VI.28.1	280,283,030,932	265,218,176,230	1,102,672,331,855	1,081,553,769,827
11. Tăng (giảm) dự phòng dao động lớn	16		6,854,271,954	6,252,346,947	23,470,640,566	21,995,008,518
12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 17.1 + 17.2)	17	VI.28.2	308,406,118,877	262,135,739,311	965,055,695,088	824,524,546,007
Trong đó:	17.01		-	-		
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		55,948,391,734	41,873,914,493	207,448,177,830	180,184,555,937
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		252,457,727,143	220,261,824,818	757,607,517,258	644,339,990,070
13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	18		595,543,421,763	533,606,262,488	2,091,198,667,509	1,928,073,324,352
14. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19= 10 - 18)	19		158,485,116,375	151,719,804,659	515,184,269,793	487,548,427,038
15. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	20		3,271,940,647	3,160,468,136	10,409,230,547	11,263,722,668
16. Giá vốn bất động sản đầu tư	21		1,615,267,237	2,057,303,860	6,237,338,506	6,586,427,174
17. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư bất động sản (22= 20 -21)	22		1,656,673,410	1,103,164,276	4,171,892,041	4,677,295,494
18. Doanh thu hoạt động tài chính	23	VI.29	21,958,427,258	17,443,909,253	71,031,992,345	98,314,548,617
19. Chi phí hoạt động tài chính	24	VI.30	6,024,210,865	10,436,809,121	19,102,255,508	42,989,589,736
20. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25 = 23 -24)	25		15,934,216,393	7,007,100,132	51,929,736,836	55,324,958,881
21. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.33.1	112,046,074,143	116,183,831,628	371,177,699,644	369,094,003,646
22. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30= 19 + 22 + 25 - 26)	30		64,029,932,035	43,646,237,439	200,108,199,026	178,456,677,767
23. Thu nhập khác	31		1,247,701,262	1,035,004,824	4,054,069,108	5,851,601,722
24. Chi phí khác	32		298,065,573	362,084,615	3,482,866,498	5,337,227,980
25. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		949,635,689	672,920,209	571,202,610	514,373,742
26. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50= 30 + 40)	50		64,979,567,724	44,319,157,648	200,679,401,636	178,971,051,509

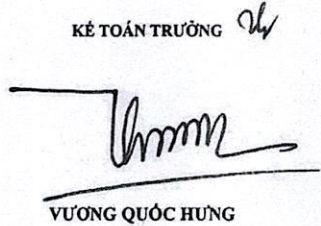
Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước (điều chỉnh lại)
26.1 Điều chỉnh giảm lợi nhuận chịu thuế			5,215,740,150	1,924,559,310	29,356,847,280	9,943,017,405
26.2 Điều chỉnh tăng lợi nhuận chịu thuế			(21,472,236)	613,056,004	2,051,673,148	2,354,585,821
Lợi nhuận chịu thuế TNDN			59,742,355,338	43,007,654,342	173,374,227,504	171,382,619,925
27. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	11,948,471,068	8,601,530,868	34,674,845,500	34,276,523,985
28. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.32	-	-	-	-
29. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		53,031,096,656	35,717,626,780	166,004,556,136	144,694,527,524
30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		-	-	-	-

TP. Hà Nội, Ngày 20 Tháng 01 Năm 2020

LẬP BIỂU


CHU CÔNG NGUYÊN

KÊ TOÁN TRƯỞNG


VƯƠNG QUỐC HƯNG



Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019

STT	Chi Tiêu	Phí BHG	Phí Nhận TBH	Phí Nhượng TBH	Hoàn Phí, Giảm Phí BHG	Hoàn Phí Nhận TBH	Hoàn Phí Nhượng TBH	Phí Giữ Lại
<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>
1	BH sức khỏe và tai nạn	381,062,662,773	10,198,255,916	35,059,025,027	2,300,228,493	2,853,020	10,671,588	353,909,483,737
2	BH tài sản và thiệt hại	419,782,182,138	100,228,797,587	316,526,505,587	11,326,604,197	2,326,454,308	8,678,891,375	198,510,307,008
3	BH hàng hóa vận chuyển	285,290,911,416	22,875,756,002	110,093,563,633	578,778,983	1,727,572,957	931,053,268	196,697,805,113
4	BH hàng không	28,209,376,562	1,096,041,657	25,659,210,794	1,511,464,305	-	-	2,134,743,120
5	BH xe cơ giới	1,284,495,483,037	1,374,427,363	289,464,112	1,809,592,739	14,407,366	-	1,283,756,446,183
6	BH cháy nổ	287,738,774,291	3,361,821,578	178,392,071,476	2,984,701,841	30,653,029	623,842,049	110,317,011,572
7	BH thân tàu và TNDS chủ tàu	299,522,752,560	18,183,303,916	204,900,285,767	4,443,843,182	672,899,449	5,527,726,117	113,216,754,195
8	BH trách nhiệm chung	100,927,778,447	1,251,899,397	25,715,763,222	70,492,917	-	24,989,645	76,418,411,350
9	BH tín dụng và rủi ro tài chính	7,812,819,000	-	5,830,333,642	-	-	-	1,982,485,358
10	BH thiệt hại KD	-	-	-	-	-	-	-
11	BH nông nghiệp	-	12,737,475,228	-	-	41,014,498	-	12,696,460,730
12	BH phi nhân thọ khác	38,465,968	-	-	-	-	-	38,465,968
	Tổng cộng	3,094,881,206,192	171,307,778,644	902,466,223,260	25,025,706,657	4,815,854,627	15,797,174,042	2,349,678,374,334

TP. Hà Nội, Ngày 20 Tháng 01 Năm 2020

KẾ TOÁN TRƯỞNG *l*

CHU CÔNG NGUYÊN

VƯƠNG QUỐC HÙNG



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM PETROLIMEX
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DNPNT

CHỈ TIÊU	Số đã báo cáo	Điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước	Số sau điều chỉnh
	VND	VND	VND
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
TÀI SẢN			
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	437.627.787.903	3.997.812.244	441.625.600.147
Phải thu khác của khách hàng	76.457.472.502	260.028.000	76.717.500.502
Các khoản phải thu khác	39.644.789.751	71.500.000	39.716.289.751
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(75.806.658.065)	776.375.828	(75.030.282.237)
Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	374.303.052.488	286.698.312	374.589.750.800
Tài sản cố định vô hình			
- Nguyên giá	222.608.894.638	176.904.000	222.785.798.638
- Giá trị hao mòn lũy kế	(50.826.783.897)	(19.207.642)	(50.845.991.539)
NGUỒN VỐN			
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	302.735.325.637	769.340.533	303.504.666.170
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	33.621.391.917	1.120.925.807	34.742.317.724
Dự phòng nghiệp vụ	3.085.779.746.110	566.786.640	3.086.346.532.750
- Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	1.516.196.094.898	945.871.779	1.517.141.966.677
- Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	1.286.106.137.319	(405.228.316)	1.285.700.909.003
- Dự phòng dao động lớn	283.477.513.893	26.143.177	283.503.657.070
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	134.523.623.638	3.093.057.762	137.616.681.400
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Phí bảo hiểm gốc	2.809.333.399.577	3.656.650.878	2.812.990.050.455
Tăng dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	150.330.395.834	945.871.779	151.276.267.613
Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	746.266.588.341	1.042.332.931	747.308.921.272
Tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	90.365.981.802	286.698.312	90.652.680.114
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	156.339.909.425	272.992.398	156.612.901.823
Tổng chi bồi thường	1.394.920.545.105	(260.028.000)	1.394.660.517.105
Tăng (giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	(13.980.373.085)	(405.228.316)	(14.385.601.401)
Tăng (giảm) dự phòng dao động lớn	21.968.865.341	26.143.177	21.995.008.518
Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	644.474.834.053	(134.843.983)	644.339.990.070
Chi phí quản lý doanh nghiệp	369.316.700.004	(222.696.358)	369.094.003.646
Thu nhập khác	1.826.000.949	641.531.845	2.467.532.794
Chi phí thuế TNDN hiện hành	33.503.259.544	773.264.441	34.276.523.985

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	9.899.027.866	8.532.184.001
Tiền gửi ngân hàng	90.854.529.809	151.630.419.209
Tiền đang chuyển	63.471.377	400.000.000
Các khoản tương đương tiền (i)	10.000.000.000	10.000.000.000
	110.817.029.052	170.562.603.210

- (i) Thể hiện các khoản tiền gửi tại các Ngân hàng TMCP trong nước với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng.